

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/DSST
Ngày 22-11-2019
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Trần Thị Thanh;

2- Ông Vũ Văn Thôn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1360/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 1407/2019/QĐST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

Trụ sở: Số A, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Hữu V, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch K, thành phố Hải Phòng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

(Theo giấy ủy quyền số 17/UQ-KLHP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K), vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C và vợ là bà Nguyễn Thị T, đều trú quán: Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 8 năm 2019, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần K trình bày:

Ngày 03 tháng 5 năm 2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K (sau đây viết tắt là K) và ông Nguyễn Văn C và vợ là bà Nguyễn Thị T có ký kết hợp đồng tín dụng số HD0487/HĐTD-KAN với nội dung: K cho ông C và vợ là bà T vay số tiền là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng), mục đích vay: Sửa chữa nhà để ở và mua sắm đồ dùng phục vụ đời sống, lãi suất vay là 1,5%/tháng (tương đương 18%/năm), thời hạn vay là 36 tháng, phương thức thanh toán: Trả gốc và lãi vào ngày 04 hàng tháng với số tiền là 3.300.000đ, kỳ cuối cùng trả 4.500.000đ; biện pháp đảm bảo tiền vay: Cho vay có tài sản bảo đảm đó là quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất cùng các phần sửa chữa, cải tạo, xây dựng thêm (nếu có) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sử dụng đất số BL 381216, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00423/AL ngày 18 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng mang tên ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T tại thửa đất số 51-A tờ bản đồ số 267-C-I diện tích 99,0m² tại Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Hợp đồng thế chấp số 0686.2013/HĐTC ngày 03 tháng 5 năm 2013 có chứng thực của văn phòng Công chứng An Bình, thành phố Hải Phòng và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng K thực hiện nghĩa vụ giải ngân cho ông C và vợ là bà T số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) theo giấy đề nghị giải ngân kèm giấy nhận nợ số HD0487.1 ngày 03 tháng 5 năm 2013.

Thực hiện nghĩa vụ trả nợ ông C và vợ là bà T trả nợ gốc và lãi đến ngày 04 tháng 4 năm 2015, sau đó ông C và vợ là bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho K theo thỏa thuận của hợp đồng. K đã nhiều lần đôn đốc và làm việc trực tiếp với ông C và vợ là bà T nhưng ông C và vợ là bà T không tiếp tục trả nợ.

Nay K yêu cầu ông C và vợ là bà T phải thanh toán số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 10 tháng 8 năm 2019 là 104.521.473đ (một trăm lẻ bốn triệu năm trăm hai mươi một nghìn bốn trăm bảy mươi ba đồng) trong đó tiền gốc là 44.100.000đ (bốn mươi bốn triệu một trăm nghìn đồng) và tiền lãi trong hạn là: 15.858.602đ (mười năm triệu tám trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm linh hai đồng), lãi quá

hạn: 44.562.871đ (bốn mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi một đồng).

Phía bị đơn là ông Nguyễn Văn C và vợ là bà Nguyễn Thị T, tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập đến Tòa án để trình bày ý kiến nhưng ông Nguyễn Văn C và vợ là bà Nguyễn Thị T không đến Tòa án nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa có quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như diễn biến tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung khởi kiện: Hợp đồng tín dụng số HD0487/HĐTD-KAN ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa K với ông C và vợ là bà T là đúng pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng ông C và vợ là bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của K là có căn cứ cần chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280; Điều 281; Điều 290; Điều 342; Điều 343; Điều 348; Điều 349; Điều 355; Điều 427; Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự. Điều 90; Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông C và vợ là bà T phải trả cho K tổng số tiền nợ đến ngày hôm nay 22 tháng 11 năm 2019 là 105.665.021đ , trong đó tiền gốc là 44.100.000đ; tiền lãi trong hạn là 16.554.202đ; tiền lãi quá hạn là 45.010.819đ. Ông C và vợ là bà T tiếp tục trả lãi theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết. Về tài sản bảo đảm: Nếu ông C và vợ là bà T không thanh toán khoản nợ trên thì K có quyền đề nghị phát mãi tài sản thế chấp là nhà đất của ông C và vợ là bà T. Về án phí: Ông C và vợ là bà T phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn là K và bị đơn là ông C và vợ là bà T. Tranh chấp phát sinh giữa các bên là tranh chấp hợp đồng tín dụng, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 15 tháng 11 năm 2019; phiên tòa ngày hôm nay 22 tháng 11 năm 2019, bị đơn là ông C và vợ là bà Tuyền vắng mặt không có lý do. Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện Nguyên đơn là K và bị đơn là ông C và vợ là bà T.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét hợp đồng tín dụng số HD0487/HĐTD-KAN ngày 03 tháng 5 năm 2013 được ký kết giữa K với ông C và vợ là bà T đã tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 275; Điều 398; Điều 401; Điều 463 Bộ luật Dân sự khi giao kết hợp đồng. Do vậy đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, nguyên đơn là K đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, ngày 03 tháng 5 năm 2013 thực hiện việc giải ngân theo cam kết cho bị đơn. Ông C và vợ là bà T đã nhận đủ số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) và thực hiện việc trả nợ gốc đến ngày 10 tháng 4 năm 2015 là 75.900.000đ, sau đó ông C và vợ là bà T không thực hiện việc trả nợ, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, nay K yêu cầu ông C và vợ là bà T trả nợ theo hợp đồng tín dụng đến nay số tiền gốc còn lại là 44.100.000đ. Về lãi suất: Giữa K với ông C và vợ là bà T thỏa thuận vay số tiền 120.000.000đ theo hợp đồng tín dụng với lãi suất vay là 1,5%/tháng (tương đương với 18%/năm), ông C và vợ là bà T đã thanh toán lãi đến ngày 10 tháng 4 năm 2015, sau đó không thanh toán tiền lãi theo thỏa thuận. Cụ thể số tiền lãi trong hạn tính đến ngày hôm nay ngày 22 tháng 11 năm 2019 (theo bảng tính lãi của K) như hai bên đã thỏa thuận theo hợp đồng, tổng số tiền lãi trong hạn từ ngày 10 tháng 4 năm 2015 đến ngày 22 tháng 11 năm 2019 là 16.554.202đ, lãi quá hạn từ ngày 10 tháng 4 năm 2015 đến ngày 22 tháng 11 năm 2019 là 45.010.819đ. Tổng cộng cả gốc và lãi đến nay ông C và vợ là bà T chưa trả cho K là 105.665.021đ (một trăm linh năm triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm hai mươi một đồng) .

[4] Xét đây là tranh chấp hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và có lãi. Theo quy định tại Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật Dân sự đối với hợp đồng vay tài sản thì khi đến hạn trả thì bên vay phải hoàn trả lại tài sản cho bên cho vay. Ngân hàng K yêu cầu ông C và vợ là bà T phải trả số tiền cả gốc và các khoản lãi như trên là có căn cứ và phù hợp pháp luật cần chấp nhận.

[8] Về xử lý tài sản bảo đảm: Ông C và vợ là bà T vay tiền Kiên Long Bank có thể chấp là giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Thôn

L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 381216 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00423/AL do Ủy ban nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng cấp ngày 18 tháng 01 năm 2013 mang tên ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T. Việc thế chấp có hợp đồng và có công chứng chứng thực, có đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Qua xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp thì toàn bộ tài sản thế chấp gồm căn nhà 3 tầng trên diện tích đất 99m² tại thửa số 51-A, tờ bản đồ số 267-C-I địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng là tài sản chung của ông Nguyễn Văn C và vợ là bà Nguyễn Thị T hiện nay không có sự thay đổi gì. Căn cứ vào các khoản trong hợp đồng tín dụng số HD0487/HĐTD-KAN ngày 03 tháng 5 năm 2013; hợp đồng thế chấp tài sản số 0686.2013/HĐTC ngày 03 tháng 5 năm 2013 và Điều 342; Điều 343; Điều 348; Điều 349; Điều 355 Bộ luật Dân sự, K có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ.

[9] Nếu phát mại tài sản thế chấp mà không đủ trả nợ cho K thì ông C và vợ là bà T vẫn phải tiếp tục trả nợ cho K số nợ gốc và lãi còn lại theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày tuyên án đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của K được chấp nhận nên K không phải chịu án phí dân sự, hoàn trả lại cho K số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp. Bị đơn là ông C và vợ là bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho K, cụ thể là: $105.665.021đ \times 5\% = 5.283.251đ$ làm tròn số là 5.283.000đ (năm triệu hai trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 275; Điều 385; Điều 398; Điều 401; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật Dân sự;

Điều 90; Điều 91; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

Buộc ông Nguyễn Văn C và vợ là bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền là 105.665.021đ (một trăm linh năm triệu sáu trăm sáu mươi năm nghìn không trăm hai mươi một đồng). Trong đó tiền gốc là 44.100.000đ (bốn mươi bốn triệu một trăm nghìn đồng) và tiền lãi trong hạn là 16.554.202đ (mười sáu triệu năm trăm năm mươi tư nghìn hai trăm linh hai đồng), lãi quá hạn là 45.010.819đ (bốn mươi năm triệu không trăm mười nghìn tám trăm mười chín đồng).

Ông Nguyễn Văn C và vợ là bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục trả khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HD0487/HĐTD-KAN ngày 03 tháng 5 năm 2013 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K với ông Nguyễn Văn C và vợ là bà Nguyễn Thị T. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

Nếu ông Nguyễn Văn C và vợ là bà Nguyễn Thị T không trả số tiền nêu trên, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có quyền đề nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích 99m² đất thuộc thửa số 51-A tờ bản đồ số 267-C-I tại Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 381216 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00423/AL do Ủy ban nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng cấp ngày 18 tháng 01 năm 2013 mang tên ông Nguyễn Văn C và vợ là bà Nguyễn Thị T để thu hồi nợ.

Phát mãi tài sản thế chấp mà không đủ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K thì ông Nguyễn Văn C và vợ là bà Nguyễn Thị T vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K cho đến khi trả nợ hết.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn C và vợ là bà Nguyễn Thị T phải nộp 5.283.000đ (năm triệu hai trăm tám mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đã nộp là 2.600.000đ (hai triệu sáu trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0017361 ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo đúng quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án

dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hạn thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần K và bị đơn là ông Nguyễn Văn C và vợ là bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã An Thái;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hải

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

THẦN PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hải